

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 146/2023/DS-ST

Ngày 06-7-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Hoàng Dân

Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2023/TLST-DS, ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mã Kiều H, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C .

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án: Anh Lê Hoàng Lil, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: ấp Giáp Nước, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Quang N, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh C, (có mặt).

Bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh C, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn, anh Lê Hoàng Lil trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 25/5/2020 dương lịch, chị H có cho chị D vay số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2.000.000 đồng/tháng Khi vay, chị D có làm biên nhận và hẹn đến ngày 25/8/2020 dương lịch sẽ trả lại số tiền trên cho chị H. Chị D đã đóng lãi cho chị H được 03 tháng bằng số tiền 6.000.000 đồng. Khi đến hạn, chị D nhiều lần hứa hẹn nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị H.

Khi vay, chị D có thể chấp cho chị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN989125, phần đất thuộc thửa số 216, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh C. do chị D, anh N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại đơn khởi kiện, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh N, chị D thanh toán nợ gốc 60.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 25/8/2020 đến ngày 25/3/2023, với mức lãi suất 20%/năm bằng số tiền 31.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị D có trách nhiệm thanh toán nợ, không yêu cầu anh N có trách nhiệm thanh toán nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Quang N trình bày: Việc chị D vay tiền của chị H, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh và chị D đứng tên, anh không được biết. Sau này, khi chị D thường xuyên vắng nhà do đi làm ăn xa, bà H có đến nhà để tìm chị D yêu cầu thanh toán nợ, nhưng anh không biết nợ số tiền bao nhiêu. Hiện tại, anh với chị D đã ly hôn, theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn ngày 07/6/2022. Việc chị D vay tiền của chị H, anh không biết. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh thanh toán nợ, anh thống nhất.

Đối với chị D: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng của Tòa án cho chị đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị D đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng các đương sự trên vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại đơn khởi kiện, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh N, chị D cùng có trách nhiệm thanh toán nợ. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị D có trách nhiệm thanh toán nợ, không yêu cầu anh N. Nhận thấy, việc thay đổi yêu cầu trên của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc chị D thanh toán nợ gốc 60.000.000 đồng. Nhận thấy, tại biên nhận ngày 25/5/2020 đương lịch có nội dung chị D có nhận của chị H số tiền 60.000.000 đồng. Tại hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 25/5/2020 đương lịch thể hiện chị D có cầm cố cho chị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN989125, phần đất thuộc thửa số 216, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh C. Như vậy, việc chị D vay tiền của chị H là thực tế có xảy ra.

Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh thì “đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của

mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”

Đề bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị D, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tổng tụng của Tòa án cho chị D nhưng chị D vắng mặt và không đưa ra bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh chị không có nợ chị H. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị D thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu chị D thanh toán lãi suất trên số tiền 60.000.000 đồng, tính từ ngày 25/8/2020 đến ngày 25/3/2023, với mức lãi suất 20%/năm bằng số tiền 31.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu trên của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Chị H có trách nhiệm trả lại cho anh N, chị D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN989125, phần đất thuộc thửa số 216, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh C ..

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 và 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Mã Kiều H.

- Buộc chị Phạm Thị Ngọc D có nghĩa vụ thanh toán cho chị Mã Kiều H tổng số tiền 91.000.000 đồng.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định của khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Chị H có trách nhiệm trả lại cho anh N, chị D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN989125, phần đất thuộc thửa số 216, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh C ..

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Phạm Thị Ngọc D phải chịu 4.450.000 đồng (Chưa nộp). Chị Mã Kiều H không phải chịu án phí. Ngày 13/4/2023, chị H đã dự nộp 2.275.000 đồng theo biên lai 0003199 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Thanh Quốc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Dân

Ngô Hoàng Sơn

Trương Thanh Quốc

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 06 tháng 7 năm 2023.

Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Dân

2. Ông Ngô Hoàng Sơn.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 179/2023/TLST-DS, ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mã Kiều H, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện

Đ, tỉnh C ..

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án: Anh Lê Hoàng Lil, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: ấp Giáp Nước, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Quang N, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh C ., (có mặt).

Bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh C ., (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả trưng tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 và 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Mã Kiều H.

- Buộc chị Phạm Thị Ngọc D có nghĩa vụ thanh toán cho chị Mã Kiều H tổng số tiền 91.000.000 đồng.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định của khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Chị H có trách nhiệm trả lại cho anh N, chị D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN989125, phần đất thuộc thửa số 216, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh C ..

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Phạm Thị Ngọc D phải chịu 4.450.000 đồng (Chưa nộp). Chị Mã Kiều H không phải chịu án phí. Ngày 13/4/2023, chị H đã dự nộp 2.275.000 đồng theo biên lai 0003199 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận hoặc bản án được niêm yết công khai.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 06 tháng 7 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Dân

Ngô Hoàng Sơn

Trương Thanh Quốc

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Quốc

